

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐD
TỈNH LĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST

Ngày: 13/5/2022

V/v: “Tranh chấp hợp
đồng dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH LĐ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình AV.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức L;

2. Ông Lê Văn H;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị N - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh LĐ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD, tỉnh LĐ tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị L - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh LĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ma B, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn PN, xã P, huyện ĐD, tỉnh LĐ (có mặt).

Bị đơn: Bà Tou Neh Mai C, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện ĐD, tỉnh LĐ (vắng mặt không có lý do).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Cill Pame Phi L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện ĐD, tỉnh LĐ (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu và lời khai có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ma B trình bày: do quen biết với bị đơn nên bà có cho vợ chồng ông Cill Pame Phi L và bà Tou Neh Mai C vay tổng số tiền là 110.000.000đ, cụ thể:

Ngày 29/4/2018 vay số tiền 10.000.000đ;

Ngày 24/5/2018 vay số tiền 15.000.000đ;

Ngày 29/5/2018 vay số tiền 10.000.000đ;

Ngày 08/06/2018 vay số tiền 10.000.000đ;

Ngày 14/6/2018 vay số tiền 20.000.000đ;

Ngày 20/6/2018 vay số tiền 10.000.000đ;

Ngày 06/7/2018 vay số tiền 15.000.000đ;

Ngày 18/7/2018 vay số tiền 15.000.000đ;

Ngày 20/7/2018 vay số tiền 5.000.000đ.

Vào ngày 18/7/2018 bà Ma B yêu cầu bà Tou Neh Mai C thống kê và xác nhận lại những khoản tiền bà Tou Neh Mai C còn nợ. Bà Mai C lấy sổ ra đối chiếu những khoản tiền bà Mai C còn nợ của bà Ma B và dự tính ghi cho bà 08 giấy nợ cụ thể từng khoản tiền của từng lần vay. Do trong sổ theo dõi của bà Mai C ghi khoản tiền đầu tiên ngày 24/5/2018 là 15.000.000đ nên bà Mai C tiếp tục ghi trong giấy xác nhận nợ ngày 24 tháng 5 năm 2018 để tiếp tục ghi thêm các giấy khác nhưng bà Ma B cho rằng không cần thiết phải ghi nhiều giấy xác nhận nợ nên đã đề nghị bà Mai C ghi chi tiết phía cuối giấy vay tiền này để tiện cộng lại tổng số nợ. Do đó, bà Mai C đã ghi bên dưới giấy mượn tiền lần lượt như trên. Riêng số tiền 5.000.000đ vay vào ngày 20/7/2018 thì các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không xác lập giấy tờ gì.

Do ông Cill Pame Phi L và bà Tou Neh Mai C vẫn chưa trả cho bà Ma B số tiền trên và đến ngày 22/11/2019 ông Cill Pame Phi L và bà Tou Neh Mai C có lập cam kết giấy mượn tiền hứa đến ngày 22/12/2019 sẽ trả cho bà Ma B số tiền này nhưng vợ chồng ông Cill Pame Phi L và bà Tou Neh Mai C vẫn chưa thanh toán cho bà Ma B số tiền 110.000.000đ nêu trên nên bà Ma B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Cill Pame Phi L và bà Tou Neh Mai C trả số tiền 110.000.000đ. Do bản chính cam kết Giấy mượn tiền lập ngày 22/11/2019 bị thất lạc, bà Ma B không thể cung cấp cho Tòa án để chứng minh ông Cill Pame Phi L và bà Tou Neh Mai C cùng vay số tiền trên nên bà Ma B đã có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu bà Tou Neh Mai C trả nợ cho mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Tou Neh Mai C và ông Cill Pame Phi L đến Tòa án trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông bà vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Ma B yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Vì vậy, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà Ma B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản vay ngày 20/7/2018 với số tiền 5.000.000đ. Bị đơn bà Tou Neh Mai C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Cill Pame Phi L vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến

trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ma B, buộc bà Tou Neh Mai C có trách nhiệm trả cho bà Ma B số tiền 105.000.000đ; Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Tou Neh Mai C trả số tiền 5.000.000đ đối với khoản vay ngày 20/7/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” giữa nguyên đơn bà Ma B với bị đơn bà Tou Neh Mai C cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Cill Pame Phi L. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã P, huyện DD, tỉnh LD nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện DD theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Tou Neh Mai C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cill Pame Phi L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Tou Neh Mai C và ông Cill Pame Phi L theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ma B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Ma B khởi kiện yêu cầu bà Tou Neh Mai C trả cho bà số tiền nợ vay 105.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Ma B xuất trình bản sao 02 giấy viết tay đề ngày 22/11/2019 và giấy viết tay ghi ngày 24/5/2018. Tuy nhiên bà Ma B chỉ xuất trình được bản chính Giấy viết tay ghi ngày 24/5/2018 nên bà Ma B chỉ yêu cầu bà Tou Neh Mai C trả cho mình số tiền nợ vay, không yêu cầu ông Cill Pame Phi L cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà. Giấy vay tiền viết tay ghi ngày 24/5/2018 nêu trên cũng đã được Tòa án công khai và thông báo cho bà Tou Neh Mai C và ông Cill Pame Phi L được biết nhưng ông bà không có ý kiến nên căn cứ Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

Theo giấy viết tay với nội dung “Giấy mượn tiền” ghi ngày 24/5/2018 do bà Ma B xuất trình cho Tòa án chỉ thể hiện bà Tou Neh Mai C có vay của bà Ma B số tiền 105.000.000đ, giấy theo mẫu có sẵn, bà Tou Neh Mai C tự điền vào phần nội dung và có chữ ký xác nhận nợ của bà Tou Neh Mai C, thời hạn trả nợ đến ngày 18/8/2018. Theo bà Ma B thì tuy giấy vay tiền ở phần trên ghi ngày 24/5/2018 nhưng thực tế là bà Tou Neh Mai C chốt khoản nợ trên với bà Ma B vào ngày 18/7/2018. Mục đích bà Tou Neh Mai C vay tiền để đáo hạn ngân hàng và có thể hiện rõ thời gian trả nhưng phía bị đơn không trả nợ đã gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nên việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn đúng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn Tou Neh Mai C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Cill Pam Phi L không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để trình bày ý kiến hoặc có yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như đối với giấy vay tiền viết tay ghi ngày 24/5/2018 do nguyên đơn xuất trình chứng tỏ bị đơn từ bỏ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ này xác định bà Tou Neh Mai C có vay của bà Ma B số tiền 105.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận và cần buộc bà Tou Neh Mai C có nghĩa vụ trả cho bà Ma B số tiền 105.000.000đ.

Đối với yêu cầu của bà Ma B buộc bà Tou Neh Mai C trả số tiền vay 5.000.000đ ngày 20/7/2018. Tại phiên tòa, bà Ma B xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này. Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 đình chỉ cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Ma B không có tranh chấp gì với ông Cill Pame Phi L về khoản nợ nói trên nên không xem xét đến.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bà Tou Neh Mai C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 175, 177, 179, 207, 220, 227, 228, 262, 273, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” của nguyên đơn bà Ma B đối với bị đơn bà Tou Neh Mai C.

Buộc bà Tou Neh Mai C có nghĩa vụ trả cho bà Ma B số tiền nợ vay 105.000.000đ (*một trăm lẻ năm triệu đồng*).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ma B về việc buộc bị đơn bà Tou Neh Mai C trả số tiền vay 5.000.000đ (*năm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bà Tou Neh Mai C phải chịu số tiền 5.250.000đ (*năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Ma B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.750.000đ theo biên lai thu số 0002934 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh LĐ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện ĐD;
- Chi cục THADS huyện ĐD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Đình Anh Vũ